

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 18 - 8 - 2025

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liễu; Ông Võ Đình Vang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11a/2025/QĐST-DS ngày 24/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1962; nơi cư trú: 34/10 Đàm Văn L, tổ 81 phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng (nay là 34/10 Đàm Văn L, tổ 81, phường An Kh, thành phố Đà Nẵng). Có mặt

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1976; Nơi cư trú: số nhà 208 đường F325, tổ dân phố 7, phường Bắc L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình (nay là số nhà 208 đường F325, tổ dân phố 7, phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị). Địa chỉ cần báo tin: số 59 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh. Nơi cư trú: số nhà 208 đường F325, tổ dân phố 7, phường Bắc L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình (nay là số nhà 208 đường F325, tổ dân phố 7, phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Trần Hà Phương. Nơi cư trú: số nhà 208 đường F325, tổ dân phố 7, phường Bắc L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình (nay là số nhà 208 đường F325, tổ dân phố 7, phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị Kim O vì ba mẹ con bà O thuê nhà ở sát tường nhà bà L và bà L xem 3 mẹ con bà O như người trong nhà. Ngày 16/01/2021 bà L đã cho bà O mượn 110.000.000 đồng, bà O có ghi giấy nợ ngày 16/01 (5-12 âm lịch) có hai con bà O là Nguyễn Thị Cẩm Nh, Nguyễn Trần Hà Ph ký làm chứng. Khi mượn số tiền trên bà O có đưa cho bà L quyền sở hữu nhà bà O ở thành phố H, tỉnh Quảng Bình để làm tin. Sau đó, bà O tiếp tục mượn thêm tiền của bà L nhiều lần khác, các lần mượn tiền bà O đều ghi vào giấy nợ cho bà L ngày mượn và số tiền mượn. Tất cả các khoản nợ ghi trong giấy đều trong năm 2021.

Đến ngày 21/12/2021 sau khi hai bên thỏa thuận, thống nhất bà O viết giấy mượn lại sổ hồng của bà O đã đưa cho bà L giữ trước đó để làm thủ tục bán nhà và mượn thêm số tiền 20.000.000 đồng. Cũng tại giấy viết ngày 21/12/2021 này bà O và bà L đã xác nhận thêm tổng số tiền mà bà O đã mượn bà L tất cả các đợt trong năm 2021 là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), 1 cây 1 chỉ vàng. Trong giấy viết bà O đã ký ghi rõ họ tên, có con bà O là Nguyễn Thị Cẩm Nh ký làm chứng. Ngoài ra, theo bà L bà còn cho bà O mượn thêm 1 cái lắc 6 chỉ 1 phân. Sau lần mượn tiền và viết giấy ngày 21/12/2021 bà Lh đã nhiều lần liên lạc và tìm gặp bà O để đòi tiền nhưng đều không được. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà O phải trả cho bà L số tiền 320.000.000 đồng, 1 cây 1 chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam là 88.000.000 đồng) theo giấy viết ngày 21/12/2021 và 1 cái lắc 6 chỉ 1 phân (quy đổi ra tiền Việt Nam là 32.500.000 đồng). Tổng số tiền bà L yêu cầu bà O phải trả là 440.500.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu, năm trăm ngàn đồng).

** Về phía bị đơn bà Trần Thị Kim O: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến*

hành gửi Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập theo đúng quy định nhưng bà O đều không có mặt tại Tòa án. Ngày 15/02/2025, Tòa án nhận được Giấy kiện lại của bà O với nội dung: “Bà O cho rằng bà L đưa tiền cho bà O để đưa cho người khác vay lấy lãi đưa về cho bà L. Tuy nhiên, hiện nay những người bà O cho vay tiền không trả được tiền cho bà O và đã bỏ trốn nên bà O chờ lúc nào họ hoàn trả thì bà O trả lại cho bà L. Trong đơn bà O cũng nêu ra một số người vay tiền của bà O không có địa chỉ cụ thể, có cung cấp giấy mượn tiền nhưng là các bản photô. Ngoài ra, khi giữa bà O với bà L xảy ra mâu thuẫn bà L đã đuổi con gái bà O ra khỏi nhà mà bà L cho con gái bà O thuê và giữ lại tất cả các tài sản gồm: 01 tủ hàng tạp hóa trị giá 50.000.000 đồng, 01 tủ đông, 01 tủ lạnh, 01 máy điều hòa, 01 máy nóng lạnh, một số tủ học đựng đồ, một số đồ dùng làm tóc, mái che trước, mái che sau, cửa cuốn, một số đồ dùng trong gia đình. Tổng trị giá 200.000.000 đồng. Hiện tại các đồ dùng này bà L đem về bỏ tại nhà anh trai bà L”.

Sau khi xem xét đơn của bà O, ngày 28/02/2025 Tòa án có Thông báo số 421/TB-TA về việc đề nghị bà O đến Tòa án để làm rõ một số nội dung theo Giấy kiện nói trên và có yêu cầu phản tố hay không nhưng bà O không đến Tòa án. Ngày 05/5/2025, Tòa án tiếp tục nhận được Giấy kiện của bà O cũng với nội dung tương tự như đơn bà O gửi ngày 28/02/2025. Để đảm bảo quyền lợi cho đương sự ngày 12/5/2025, Tòa án có Thông báo số 984/TB-TA gửi cho bà O nhưng bà O cũng không đến Tòa án để làm việc.

Về xác minh nơi cư trú của bà O: Theo Công văn 146/CV-CAP ngày 27/3/2025 của Công an phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị) thì bà Trần Thị Kim O có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố 7, phường Bắc Lý, thành phố H, tỉnh Quảng Bình nhưng thường không có mặt tại nơi thường trú. Nơi ở hiện tại là K47/34 Hoàng Văn Th, Tổ 119, Hòa M, Liên Ch, Đà Nẵng. Tòa án cũng đã có Công văn số 1141/2025/CV-TA ngày 19/5/2025 gửi Công an phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Tại Công văn số 275/CAP ngày 01/6/2025 của Công an phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thì bà Trần Thị Kim O sinh ngày 15/10/1976; CCCD số 044176001074; HKTT tại: tổ dân phố 7, phường Bắc Lý, thành phố H, tỉnh Quảng Bình không có đăng ký tạm trú, không sinh sống thực tế tại địa chỉ K47/34 Hoàng Văn Th, Tổ 119, Hòa M, Liên Ch, Đà Nẵng nhưng dữ liệu quốc gia về dân cư thì có.

Về người làm chứng chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, Nguyễn Trần Hà Ph: Theo Công văn số 146/CV-CAP ngày 27/3/2025 của Công an phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị) thì chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, Nguyễn Trần Hà Ph thực tế đang cư trú tại địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường Bắc L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập theo quy định pháp luật nhưng đều không có mặt và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục xác minh, niêm yết theo quy định của pháp luật đối với bị đơn và người làm chứng để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả tổng số tiền 440.500.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu, năm trăm ngàn đồng), trong đó 320.000.000 đồng, 11 chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam là 88.000.000 đồng) và 1 cái lắc 6 chỉ 1 phân (quy đổi ra tiền Việt Nam là 32.500.000 đồng). Bị đơn và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người làm chứng chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nên bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý do việc không cung cấp đầy đủ chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng; Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Kim O phải thanh toán cho nguyên đơn bà Ngô Thị L số tiền 320.00.000 đồng và 11 chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam là 88.000.000 đồng). Tổng số tiền buộc bà O trả cho bà L là 408.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn buộc bị đơn trả 1 cái lắc 6 chỉ 1 phân (quy đổi ra tiền Việt Nam là 32.500.000 đồng). Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét. Về án phí miễn án phí cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim O phải thanh toán nợ theo các Giấy mượn tiền (cụ thể các bên thỏa thuận chốt lại nợ tại Giấy viết ngày 21/12/2021). Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú là số nhà 208 đường F325, tổ dân phố 7, phường Bắc L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình (nay là số nhà 208 đường F325, tổ dân phố 7, phường Đồng Th, tỉnh Quảng Trị) nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Kim O, người làm chứng chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, Nguyễn Trần Hà Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án cũng đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Căn cứ các Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị L buộc bị đơn bà Trần Thị Kim O phải trả số tiền 320.000.000 đồng và 1 cây 1 chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam là 88.000.000 đồng) theo Giấy viết ngày 21/12/2021, Hội đồng xét xử xét thấy: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết bà L đã cho bà O mượn tiền nhiều lần trong năm 2021, các lần mượn tiền đều có viết giấy và ghi số tiền cụ thể. Sau đó,

giữa bà L và bà O đã thống nhất thỏa thuận lại bằng Giấy viết ngày 21/12/2021 do bà O viết với nội dung: “*Hôm nay vì do mua thêm đất tôi có mượn lại sổ đỏ để về làm và mua thêm đất, để làm thủ tục bán nhà, vậy xong việc tôi bán nhà tôi sẽ hoàn trả số tiền trên mà tôi đã mượn làm ăn của chị L, nếu tôi sai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật ngày 21/12/ tôi có mượn thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng để về làm giấy mua đất thêm). Tôi hẹn 1 tháng sau sẽ trả 20.000.000 (hai mươi triệu này cho họ). Còn xong xuôi giấy tờ tôi bán nhà sẽ trả hết số tiền mà tôi đã mượn để làm ăn với chị L, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật (300.000.000), 1 cây 1 chỉ vàng (ba trăm triệu đồng chẵn) 2021). Tiền lời tháng 6 thiếu đến chừ, bà O ký ghi rõ họ tên. Trong giấy viết này có chữ ký và chữa viết của Nguyễn Thị Cẩm Nh (con bà O)”. Đối với giấy bà O viết ghi nhận nợ ngày 21/12/2021 bà L có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của bà O nhưng do các đơn trình bày của bà O gửi cho Tòa án (không có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bà O sinh sống) nên không đủ cơ sở để làm tài liệu giám định. Do đó, Tòa án không thực hiện được việc giám định chữ ký, chữ viết của bà O theo yêu cầu của bà L.*

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù bà O không đến Tòa án để làm việc nhưng có các đơn trình bày gửi cho Tòa án qua đường bưu điện. Tòa án cũng có các Thông báo gửi cho bà O yêu cầu làm rõ một số nội dung theo các đơn trình bày của bà O nhưng bà O không thực hiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung theo đơn trình bày của bà O và theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Việc bà O không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo yêu cầu của Tòa án là đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý theo khoản 4 Điều 91 và khoản 1 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của bà Lành dựa trên các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào giấy viết ngày 21/12/2021 xác định giữa bà O và bà L đã ký hợp đồng dân sự về việc vay tài sản với số tiền 320.000.000 đồng và 1 cây, 1 chỉ vàng. Trong giấy viết vay mượn tiền không nói rõ thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi nào bên vay xong việc bán nhà thì sẽ trả, các bên không quy định lãi suất. Tuy nhiên, theo bà L trình bày từ khi viết giấy nợ đến nay bà O cố tình trốn tránh, bà L không liên lạc được, không tìm gặp được bà O. Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản thỏa mãn các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết. Kể từ thời điểm vay tiền

cho đến nay, bà O chưa thanh toán tiền cho bà L. Như vậy, bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu này của bà L buộc bà O có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 320.000.000 đồng và 1 cây, 1 chỉ vàng theo giấy viết nợ ngày 21/12/2021 là có căn cứ. Tuy nhiên, tại giấy viết ngày 21/12/2021 không ghi là vàng gì nhưng tại giấy viết “O mượn chị L” (BL 34) do bà L cung cấp bà O có ghi “TC: Vàng chị L là 1 cây 1 chỉ (4 chỉ 98, 7 chỉ 96)” để làm căn cứ xác định 1 cây 1 chỉ vàng là 11 chỉ vàng trong đó 4 chỉ vàng 98, 7 chỉ vàng 96. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L cũng xác nhận là bà O mượn 11 chỉ vàng trong đó 4 chỉ vàng 98, 7 chỉ vàng 96 yêu cầu bà O trả với giá quy đổi ra tiền Việt Nam là 88.000.000 đồng (tương đương 8.000.000 đồng/1 chỉ) thấp hơn so với giá vàng do Công ty TNHH Kim Hoàn cung cấp tại thời điểm xét xử nên ghi nhận sự tự nguyện số tiền quy đổi ra từ vàng của bà L buộc bà O phải trả.

- Đối với yêu cầu của bà L buộc bà O trả 01 cái lắc 06 chỉ 1 phân (quy đổi ra tiền Việt Nam là 32.500.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy viết ngày 21/12/2021 là giấy cuối cùng các bên thống nhất thỏa thuận chốt nợ nhưng không ghi nhận nợ số vàng trên. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà L không cung cấp được chứng cứ nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà L.

- Về tiền lãi: Do nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đối với các yêu cầu của bà Trần Thị Kim O tại các giấy kiện lại gửi cho Tòa án với nội dung cho rằng bà L đưa tiền cho bà O để đưa cho người khác vay lấy lãi và bà L đang giữ lại một số tài sản của bà O tổng trị giá 200.000.000 đồng. Tòa án đã có Thông báo và triệu tập bà O nhiều lần để làm rõ các nội dung theo đơn và làm các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà O đều không có mặt. Do đó, không có cơ sở để xem xét.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phải chịu án phí dân sự theo quy định nhưng nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho nguyên đơn.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy

định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 97, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L buộc bà Trần Thị Kim O phải trả cho bà Ngô Thị L tổng số tiền 408.000.000 đồng (*bốn trăm linh tám triệu đồng*), trong đó: 320.000.000 đồng và 11 chỉ vàng (quy đổi ra tiền Việt Nam là 88.000.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L về việc buộc bà Trần Thị Kim O trả 01 cái lắc 06 chỉ 1 phân (quy đổi ra tiền Việt Nam là 32.500.000 đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 20.320.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước. Bà Ngô Thị L được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1, Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Hoàng Thị Thu